

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2018/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Huỳnh R , sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp Tân H , xã Tân Th , huyện A, tỉnh B

- *Bò nôi*: Anh Trần Văn N , sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Tân B , xã Tân Th , huyện A, tỉnh B

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 03 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Huỳnh R và anh Trần Văn N .

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*:

+ Giao 01 con chung tên Trần Văn Tuấn N1 sinh ngày 05/11/2008 cho anh Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Chị R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ, thực hiện cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/8/2018 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

+ Chị R được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Veà taøi saün chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Veà nợ chung*: Không có.
- *Veà àùn phí*:

+ Chị R tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị R đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48862 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Chị R đã nộp đủ án phí.

+ Anh N không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nôi nhĩa:

- Dương sự;
- VKSND huyện A
- UBND xã Tân Th;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phạm Thị M.